

Premises, Hangarkeepers & Products Liability Questionnaire

Premises Liability	
1. Location of premises and brief description.	Noi Bai Airport, Tan Son Nhat Airport, DaNang Airport and other local airports.
2. Largest aircraft using the airport.	A350
3. Number of employees	2.559 people
4. Number of vehicles and brief description, i.e. whether cars, vans, loaders, refuellers, forklift trucks etc. and also whether these will be working airside.	<p>Tại Hà Nội (In the northern)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần dắt máy bay (Towbar): 11 - Cầu trục (Cranes): 03 - Dock, thang bảo dưỡng máy bay (Dock, Aircraft maintenance ladder): 296 - Dụng cụ nâng (Lifting tools): 04 - Kịch (Jack): 83 - Máy biến đổi tần số điện (Power frequency converters): 08 - Máy thổi khí lạnh (Blowers cold): 12 - Mooc chở lốp máy bay (Mooc carrying aircraft tires): 05 - Mooc chở nước (water trailer): 04 - Mooc Nitơ (Nitrogen Mooc): 08 - Mooc thủy lực (Portable hydraulic cart): 03 - Thiết bị cấp điện mặt đất (Equipment GPU power supply): 05 - Thiết bị nâng (Lifting equipment): 10 - Xe ô tô 16 chỗ (16-seat cars): 03 - Xe ô tô 7 chỗ (7-seat cars): 01 - Xe bán tải (Pickup): 04 - Xe cầu rọ (truck cranes): 02 - Xe chạy điện chở vật tư (Electric vehicles carrying supplies): 02 - Xe chở lốp máy bay (Aircraft tire trucks): 01 - Xe chở nạp ắc quy (Battery charging trucks): 01 - Xe đầu kéo (Car tractors): 04 - Xe đẩy (Cart): 12 - Xe đèn chiếu sáng (Car lights): 01 - Xe giàn nâng thủy lực (Vehicle hydraulic lifting platform): 02 - Xe kéo đẩy máy bay (Push the aircraft): 04 - Xe khởi động khí (Air Starting car): 02 - Xe lau sàn (Floor polish car): 06 - Xe nâng, xe xúc nâng (Forklift): 04 - Xe tải (Truck): 11 - Xe thang (Elevator car): 02 <p>Tại Đà Nẵng (In the middle)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần dắt máy bay (Towbar): 07 - Dock, thang bảo dưỡng máy bay (Dock, Aircraft maintenance ladder): 43 - Kịch (Jack): 20 - Máy thổi khí lạnh (Blowers cold): 02



	<ul style="list-style-type: none"> - Mooc chở nước (water trailer): 01 - Mooc khí nitơ (Nitrogen Mooc): 01 - Thang nâng (Lifting machinery): 01 - Xe bán tải (Pickup): 04 - Xe đèn chiếu sáng (Car lights): 01 - Xe khí nitơ (Nitrogen gas vehicles): 04 <p>Tại Hồ chí Minh (In the South)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần cầu (Crane): 03 - Cần dắt máy bay (Towbar): 09 - Dock, thang bảo dưỡng máy bay (Dock, Aircraft maintenance ladder): 108 - Kịch (Jack): 75 - Máy biến đổi tần số điện (Power frequency converters): 07 - Máy thổi khí lạnh (Blowers cold): 11 - Mooc chở lốp máy bay (Mooc carrying aircraft tires): 03 - Mooc chở nước (water trailer): 02 - Mooc khí nitơ (Nitrogen Mooc): 02 - Mooc thủy lực (Portable hydraulic cart): 02 - Thiết bị cấp điện mặt đất (Equipment GPU power supply): 03 - Thiết bị nâng (Lifting equipment): 04 - Xe ô tô 16 chỗ (16-seat cars): 05 - Xe ô tô 7 chỗ (7-seat cars): 01 - Xe ô tô 9 chỗ (9-seat cars): 01 - Xe bán tải (Pickup): 06 - Xe chở lốp máy bay (Aircraft tire trucks): 05 - Xe chở thiết bị (Vehicles carrying equipment): 01 - Xe đầu kéo (Car tractors): 05 - Xe đẩy (Cart): 01 - Xe điện mặt đất (Trams ground): 01 - Xe kéo đẩy máy bay (Push the aircraft): 04 - Xe kéo thiết bị mặt đất (Pulling ground equipment): 02 - Xe lau sàn (Floor polish car): 01 - Xe nâng, xe xúc nâng (Forklift): 07 - Xe tải (Truck): 05 - Xe thang (Elevator car): 06
Hangarkeepers Liability	
1. Number of Hangars and aircraft capacity.	<p>There are 07 Hangars in total</p> <ul style="list-style-type: none"> - In the northern <ul style="list-style-type: none"> + Hangar No 1st has capacity of one A320 or A321 + Hangar No 2nd has capacity of two widebody aircrafts such as: B777, B787, A330, A350 - In the southern <ul style="list-style-type: none"> + Hangars No 1,2,3 have capacity of one A320 or A321

	+ The wide Hangar No 4 have capacity of one widebody aircrafts (such as: B777, B787, A330, A350) and two aircrafts ATR72 + Long Thanh Hangar (expected June 2026) have capacity of two widebody aircrafts such as: B777/B787/A330/A350 and two narrow-body aircrafts such as: A321/B737		
2. Average value of aircraft in any one hangar	N/A		
3. Maximum value any one aircraft.	N/A		
4. Average value any one aircraft.	N/A		
5. Maximum value of aircraft in any one hangar.	N/A		
6. Type of aircraft/engines worked on.	Aircrafts: B777/787; A320/321/330/350; ATR42/72 Engines: CFM56 Series; GE90-94B, GE90-90B; PW4168, PW4168A, PW4170, PW4084D, PW4090; V2500 Series; PW124/127; Trent XWB; Genx; PW1100G; LEAP-1A.		
7. Do you carry out test flights? If so state estimated number of flying hours per annum and details of pilot(s) experience including number of hours on type.	N/A		
8. Do you perform any engine-running/bench testing? If so state estimated number of hours per annum.	Engine run: YES Bench testing: YES		
Products Liability			
Full details of all types of activities performed (please supply your business brochure) split between the following:	All the maintenance activities from line to base maintenance for all fleet: A320/A321/330/350; B737/777/787; ATR42/72; including some workshop activities More detail on the Vaeco's website: http://www.vaeco.com.vn/en/		
1. Service and repair	Yes		
2. Refurbishment	Yes		
3. Sale of aircraft spare parts	Yes		
4. Sale of aircraft	No		
5. Breakdown of total aviation turnover for the previous 2 years and total estimated aviation turnover for the forthcoming 12 months split as follows:			
a) civil/military	Turnover	Civil	Military
	2023	2.379.155.439.601 VND	0 VND
	2024	2.760.733.019.222 VND	0 VND

13673
CÔNG TY
KIỂM HỮU
THÀNH V
THUẢ
ẢY BÀ
PHỐ H

	2025 (plan)	2.944.935.540.000 VND	0 VND
b) fixed-wing/rotor-wing	N/A		
c) United States / Rest of the World	Turnover	United States	Rest of the World
	2023	0 VND	2.379.155.439.601 VND
	2024	0 VND	2.760.733.019.222 VND
	2025 (plan)	0 VND	2.944.935.540.000 VND
6. Type of aircraft worked upon.	A320/A321/A330/A350, ATR42/72, B737/B777/B787		
7. Details of engine work including type of engines.	Miscellaneous Engines of ATR42/72; A320/A321/A330/A350; B737/B777/B787 Engine work: CFM56 Series; GE90-94B, GE90-90B; PW4168, PW4168A, PW4170, PW4084D, PW4090; V2500 Series; PW124/127; Trent XWB; Genx; PW1100G; LEAP-1A.		
Miscellaneous			
1. Details of standard contractual terms and conditions. Include details of any hold harmless agreements or indemnities which these contracts contain.			
2. Details of any claims, paid or outstanding.			
a) baggage	No		
b) security (including passenger/passenger baggage searching)	No		
c) car parking	No		
d) fire-fighting	No		
e) bird control	No		
f) other concessionaires.	No		
3. Where services are handled by concessionaires, are full hold harmless and indemnity given to Assured?	N/A		
4. Give minimum limits demanded from concessionaires by Assured.	N/A		
5. 12 Will airport authority obtain full hold harmless from airlines using the airport? - i.e. Does Airport “Conditions of Use” contain a Hold Harmless Clause in respect of damage to aircraft?	N/A		
6. Are vehicles which are going “airside” required to have minimum	No minimum levels of Third Party Liability Insurance are required for airside vehicles.		

